

**BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP LỚP TTV23B6
HỌC KỲ II NĂM HỌC 2023-2024**

STT	MSHS	Họ và tên		Ngày sinh	Giáo dục QP - An ninh(2)	Giáo dục thể chất(1)	Pháp luật(1)	Cải đặt, vận hành và sử dụng các TBVP thông dụng(3)		Bảng tính điện tử(3)	Tiếng anh chuyên ngành(2)		Kỹ năng mềm(2)	Văn bản pháp qui(2)	Giáo dục Chính trị(2)	Điểm TB	Xếp loại
01	2354802035169	Lý Gia	Bảo	29/07/2008	2.3	9.5	7.3	0.0	8.3	6.9	6.8	6.5	6.1	5.7			Trung bình
02	2354802035170	Hồ Phước	Bi	08/09/2008	6.9	9.0	7.4	8.0	8.5	8.2	6.9	6.1	6.9	7.5			Khá
03	2354802035171	Mã Thị Trúc	Em	08/12/2007	2.5	2.8	0.0	0.0	0.4	3.1	3.4	2.4	0.0	1.3			Yếu
04	2354802035172	Nguyễn Thành	Hiếu	18/10/2008	8.4	9.2	8.7	8.5	9.3	7.4	6.7	7.7	8.1	8.1			Giỏi
05	2354802035173	Nguyễn Văn	Hiếu	28/04/2007	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0			Yếu
06	2354802035174	Phan Quốc	Huy	06/04/2008	8.6	6.7	9.0	8.9	8.7	7.4	6.5	8.2	8.4	8.2			Giỏi
07	2354802035175	Lê Thị	Huyền	28/06/2008	7.9	9.1	8.9	8.9	9.5	9.9	7.0	8.7	8.0	8.8			Giỏi
08	2354802035176	Huỳnh Nguyễn Hồ	Khải	05/01/2008	8.4	7.8	7.2	6.5	8.9	8.8	6.7	8.6	7.6	7.8			Khá
09	2354802035177	Lê Bảo	Khang	09/12/2008	7.6	6.8	7.3	8.2	9.2	9.7	7.8	8.0	7.1	8.3			Giỏi
10	2354802035178	Nguyễn Thanh	Lam	09/06/2008	5.5	8.2	7.6	6.8	9.0	7.3	7.8	7.5	6.9	7.6			Khá
11	2354802035179	Kha Phước	Lộc	24/03/2008	7.8	9.3	8.0	8.7	8.7	7.6	7.2	7.3	7.3	7.9			Khá
12	2354802035180	Đặng Hữu	Luân	14/06/2008	0.0	3.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0			Yếu
13	2354802035181	Phùng Cẩm	Ly	25/08/2008	0.0	0.0	0.0	6.2	8.5	5.0	4.4	3.2	0.0	4.6			Yếu
14	2354802035182	Trần Hạo	Nam	28/05/2008	8.3	8.6	8.3	8.3	8.5	7.5	6.4	7.4	8.3	7.9			Khá
15	2354802035183	Nguyễn Trần Thanh	Ngân	26/10/2008	6.6	8.3	8.0	9.1	9.0	7.4	7.5	8.3	7.6	8.3			Giỏi
16	2354802035184	Mai Trí Hữu	Nhân	29/09/2008	7.6	9.2	7.3	7.9	8.5	8.8	7.3	7.0	7.3	7.8			Khá

STT	MSHS	Họ và tên		Ngày sinh	Giáo dục QP - An ninh(2)										Giáo dục thể chất(1)		Pháp luật(1)		Cải đặt, vận hành và sử dụng các TBVP thông dụng(3)		Bảng tính điện tử(3)		Tiếng anh chuyên ngành(2)		Kỹ năng mềm(2)		Văn bản pháp qui(2)		Giáo dục Chính trị(2)		Điểm TB		Xếp loại	
17	2354802035185	Hồ Thị Bảo	Nhi	01/12/2008	6.2	0.0	3.2	3.3	2.9	2.0	3.0	3.4	2.8	2.9																	Yếu			
18	2354802035186	Lê Thị Bảo	Nhi	30/06/2008	7.7	7.4	8.2	8.9	8.8	6.3	7.7	8.8	6.1	7.9																	Khá			
19	2354802035187	Lý Thị Huỳnh	Nhur	12/12/2008	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0																	Yếu			
20	2354802035189	Nguyễn Thị Thúy	Oanh	30/10/2008	6.3	0.0	6.7	8.1	8.6	5.4	7.5	7.6	6.2	7.3																	Khá			
21	2354802035190	Nguyễn Thúy	Oanh	15/09/2008	2.5	2.0	2.9	2.6	3.0	3.1	2.9	2.0	2.8	2.8																	Yếu			
22	2354802035192	Nguyễn Thị Như	Phuong	12/11/2008	0.0	0.0	0.0	6.3	7.5	6.2	4.2	3.5	0.0	4.6																	Yếu			
23	2354802035193	Nguyễn Văn	Quyển	09/12/2006	8.5	9.6	8.7	9.4	8.9	9.1	8.1	8.7	7.3	8.7																	Giỏi			
24	2354802035196	Trần Vĩnh	Tài	13/10/2008	8.4	9.1	8.1	8.0	9.0	8.3	7.6	7.6	5.8	7.8																	Khá			
25	2354802035197	Nguyễn Quốc	Thái	15/04/2008	8.7	9.5	9.1	9.1	8.9	10.0	8.1	8.3	8.2	8.8																	Giỏi			
26	2354802035198	Trần Thị Bảo	Thy	10/11/2008	7.3	8.8	8.5	9.1	9.1	9.1	7.8	8.3	7.9	8.6																	Giỏi			
27	2354802035199	Huỳnh Nguyệt	Trân	08/11/2007	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	2.0	2.8	2.0	0.0	0.9																	Yếu			
28	2354802035200	Trần Thị Phương	Trinh	22/03/2008	7.1	7.4	8.1	7.4	8.3	7.1	6.4	6.9	6.4	7.3																	Khá			

Lưu ý: Môn học **Giáo dục thể chất** và **Giáo dục QP - AN** không tính điểm vào điểm tổng kết.

TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. Đào tạo

Châu Đốc, ngày 16 tháng 07 năm 2024
Người lập bảng

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Quốc Thái